

UBND TP. BIÊN HÒA
HỘI NGƯỜI MÙ
Số: 05/QĐ-HNM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
Biên Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai Quyết toán chi Ngân sách năm 2024
của Hội người mù Thành phố Biên Hòa**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách đối với Đơn vị dự toán Ngân sách, các tổ chức được Ngân sách Nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách đối với Đơn vị dự toán Ngân sách, các tổ chức được Ngân sách Nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Quyết định số 3334/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Biên Hòa. V/v giao dự toán thu, chi Ngân sách năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 4471/QĐ-UBND ngày 08/10/2023 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Biên Hòa. V/v bổ sung dự toán chi Ngân sách năm 2024.

Căn cứ Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Biên Hòa. V/v bổ sung dự toán chi Ngân sách năm 2024.

Căn cứ thông báo số 29/TB-TCKH ngày 20/3/2025 của Phòng TC-KH Thành phố Biên Hòa. V/v xét duyệt quyết toán Ngân sách năm 2024.

Xét đề nghị của bộ phận tài chính Hội người mù Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai Quyết toán chi ngân sách năm 2024 của Hội Người mù Thành phố Biên Hòa (theo các biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3: Ban chấp hành Văn phòng Thành Hội, bộ phận Tài chính các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND TP. Biên Hòa
- Phòng Tài chính-Kế hoạch.
- Nơi điều 3.
- Lưu: VT



Phạm Thị Phương Uyên

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Hội người mù TP. Biên Hòa

Chương: 719

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-HNM ngày 24/3/2025 của Hội người mù TP. Biên Hòa)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	593.216.579	593.216.579		
I	Nguồn ngân sách trong nước	593.216.579	593.216.579		
1	Chi quản lý hành chính	593.216.579	593.216.579		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	593.216.579	593.216.579		
	- Chi thanh toán cá nhân	429.030.155	429.030.155		
	- Kinh phí hoạt động	164.186.424	164.186.424		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.1					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.2					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số: 29 /TB-TCKH.

Biên Hòa, ngày 20 tháng 03 năm 2025

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024

Đơn vị được thông báo: **HỘI NGƯỜI MÙ TP BIÊN HÒA**

Mã chương: 719

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 của Hội Người mù thành phố Biên Hòa và Biên bản xét duyệt quyết toán ngày 21/02/2025 giữa Hội Người mù thành phố và Phòng Tài chính – Kế hoạch.

Phòng Tài chính – Kế hoạch thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 (không bao gồm quyết toán vốn XDCB, các công trình vốn sự nghiệp, quản lý hành chính mang tính chất XDCB.....- sẽ có biên bản riêng) của Hội Người mù thành phố như sau:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: 0 đồng
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại: 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 1a đính kèm)

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Dự toán được giao trong năm: 615.000.000 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 544.000.000 đồng;
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 71.000.000 đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm: 593.216.579 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 593.216.579 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 21.783.421 đồng (hủy dự toán).
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:

- + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
- + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng;

(Số liệu chi tiết theo 1c đính kèm)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 0 đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 0 đồng
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Do giới hạn về nguồn nhân lực và thời gian xét duyệt quyết toán, Phòng Tài chính – Kế hoạch căn cứ báo cáo quyết toán, hồ sơ, sổ kế toán, chứng từ do Hội Người mù thành phố cung cấp (*Hội Người mù chịu trách nhiệm về tính pháp lý, tính xác thực của hồ sơ, chứng từ sổ sách kế toán và tài liệu cung cấp cho Phòng Tài chính – Kế hoạch*), không chứng kiến việc kiểm kê vật tư hàng hóa, tài sản, quỹ tiền mặt tại thời điểm 31/12/2024.

Trên cơ sở báo cáo, tài liệu của Hội Người mù thành phố cung cấp và tự chịu trách nhiệm, Phòng Tài chính- Kế hoạch thuyết minh số liệu như sau:

3.1. Về số thu:

- Đơn vị không có báo cáo nguồn thu.

3.2. Về số chi:

- Đơn vị thực hiện chi ngân sách theo dự toán được giao, khớp đúng với số liệu thực chi với Kho bạc Nhà nước.

3.3 Số kinh phí tồn:

- Kinh phí hủy dự toán: 21.783.421 đồng, trong đó cắt 5% tiết kiệm theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ là 9.000.000 đồng.

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 0 đồng, trong đó:
- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng
- Trích lập các Quỹ: 0 đồng
- Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: đảm bảo thời gian theo lịch thông báo.

- Về công khai tài chính: thực hiện công khai dự toán theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính và Thông tư số 90/2018/TT3 của Bộ Tài chính.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước: đơn vị hạch toán đúng mục lục ngân sách.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: thực hiện các biểu báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017.

2. Kiến nghị:

Phòng Tài chính – Kế hoạch chỉ thực hiện quyết toán các khoản thu đơn vị đã báo cáo trong hồ sơ, báo cáo quyết toán nộp cho Phòng Tài chính – Kế hoạch. Đơn vị hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu để nguồn thu ngoài sổ sách, báo cáo.

Nơi nhận:

- Hội Người mù TPBH;
- Lưu: VT, HCSN.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG
TÀI CHÍNH
KẾ HOẠCH
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI



Nguyễn Thị Thanh Thủy

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT
QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024
ĐƠN VỊ: HỘI NGƯỜI MÙ TP. BIÊN HÒA
Phần 1- TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Tổng số				Loại: 340		
			Số báo cáo	số xét duyệt/TĐ	Chênh lệch	Số báo cáo	Khoản 362		Chênh lệch
							số xét duyệt/TĐ	Chênh lệch	
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC								
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC								
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	01	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)	02	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí đã nhận	03							
	- Dự toán còn dư tại Kho bạc	04							
1.2	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)	05	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí đã nhận	06							
	- Dự toán còn dư tại Kho bạc	07							
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	08	615,000,000	615,000,000	-	615,000,000	615,000,000	615,000,000	-
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	09	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	10	615,000,000	615,000,000	-	615,000,000	615,000,000	615,000,000	-
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	11	615,000,000	615,000,000	-	615,000,000	615,000,000	615,000,000	-
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	12	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	13	615,000,000	615,000,000	-	615,000,000	615,000,000	615,000,000	-
4	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	14	593,216,579	593,216,579	-	593,216,579	593,216,579	593,216,579	-
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	15	-	-	-	-	-	-	-

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Tổng số				Loại: 340		
			Số báo cáo	số xét duyệt/TĐ	Chênh lệch	Số báo cáo	số xét duyệt/TĐ	Chênh lệch	Khoản 362
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	16	593,216,579	593,216,579	-	593,216,579	593,216,579	-	-
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	17	593,216,579	593,216,579	-	593,216,579	593,216,579	-	-
	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	18	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	19	593,216,579	593,216,579	-	593,216,579	593,216,579	-	-
6	Kinh phí giám trong năm (20=21+25)	20	21,783,421	21,783,421	-	21,783,421	21,783,421	-	-
6.1	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21=22+23+24)	21	-	-	-	-	-	-	-
	- Đã nộp NSNN	22	-	-	-	-	-	-	-
	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)	23	-	-	-	-	-	-	-
	- Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)	24	-	-	-	-	-	-	-
6.2	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	25	21,783,421	21,783,421	-	21,783,421	21,783,421	-	-
	- Đã nộp NSNN	26	-	-	-	-	-	-	-
	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)	27	-	-	-	-	-	-	-
	- Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)	28	21,783,421	21,783,421	-	21,783,421	21,783,421	-	-
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	29	-	-	-	-	-	-	-
7.1	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=21+32)	30	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí đã nhận	31	-	-	-	-	-	-	-
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	32	-	-	-	-	-	-	-
7.2	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	33	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí đã nhận	34	-	-	-	-	-	-	-
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	35	-	-	-	-	-	-	-

PHẦN II. CHI TẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN

Mã số	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Tổng số			Nguồn ngân sách nhà nước		
				Số báo cáo	Số phê duyệt/thẩm định	Chênh lệch	Số báo cáo	Số phê duyệt/thẩm định	Chênh lệch
			Tổng số	593,216,579	593,216,579	-	593,216,579	593,216,579	-
Chi phí không thường xuyên/không tự chủ									
0	362	6000	Tiền lương						
		6001	Lương ngạch, bậc theo quỹ lương được duyệt	593,216,579	593,216,579	-	593,216,579	593,216,579	-
		6100	Phụ cấp lương	298,941,305	298,941,305	-	298,941,305	298,941,305	-
				298,941,305	298,941,305		298,941,305	298,941,305	
		6101	Phụ cấp chức vụ	39,744,000	39,744,000	-	39,744,000	39,744,000	-
		6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	19,872,000	19,872,000		19,872,000	19,872,000	
		6149	Phụ cấp Khác	4,968,000	4,968,000		4,968,000	4,968,000	
		6200	Tiền thưởng	14,904,000	14,904,000		14,904,000	14,904,000	
		6249	Thưởng khác	43,676,000	43,676,000	-	43,676,000	43,676,000	
		6249	Thưởng khác	26,676,000	26,676,000		26,676,000	26,676,000	
		6300	Các khoản đóng góp	17,000,000	17,000,000		17,000,000	17,000,000	
		6301	Bảo hiểm xã hội	68,544,850	68,544,850	-	68,544,850	68,544,850	
		6302	Bảo hiểm y tế	55,792,325	55,792,325		55,792,325	55,792,325	
		6304	Bảo hiểm thất nghiệp	9,564,395	9,564,395		9,564,395	9,564,395	
		6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	3,188,130	3,188,130		3,188,130	3,188,130	
		6449	Chi khác	4,800,000	4,800,000	-	4,800,000	4,800,000	
			Chi về hàng hoá, dịch vụ						
		6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	24,179,987	24,179,987	-	24,179,987	24,179,987	

Mã	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số			Nguồn ngân sách nhà nước		
					Số báo cáo	Số phê duyệt/thẩm định	Chênh lệch	Số báo cáo	Số phê duyệt/thẩm định	Chênh lệch
			6501	Tiền điện	18,024,661	18,024,661		18,024,661	18,024,661	-
			6502	Tiền nước	3,295,325	3,295,325		3,295,325	3,295,325	-
			6503	Tiền nhiên liệu	2,860,001	2,860,001		2,860,001	2,860,001	-
		6550		Vật tư văn phòng	24,474,708	24,474,708	-	24,474,708	24,474,708	-
			6551	Văn phòng phẩm	6,780,168	6,780,168		6,780,168	6,780,168	-
			6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	9,646,784	9,646,784		9,646,784	9,646,784	-
			6599	Vật tư văn phòng khác	8,047,756	8,047,756		8,047,756	8,047,756	-
		6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	4,055,729	4,055,729	-	4,055,729	4,055,729	-
			6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại); Thuê bao đường truyền điện thoại ; fax	4,055,729	4,055,729		4,055,729	4,055,729	-
		6650		Hội nghị	48,980,000	48,980,000	-	48,980,000	48,980,000	-
			6653	Tiền vé máy bay, tàu xe	11,650,000	11,650,000		11,650,000	11,650,000	-
			6657	Các khoản thuê mướn khác	500,000	500,000		500,000	500,000	-
			6658	Chi bù tiền ăn	23,300,000	23,300,000		23,300,000	23,300,000	-
			6699	Chi phí khác	13,530,000	13,530,000		13,530,000	13,530,000	-
		6700		Công tác phí	12,000,000	12,000,000	-	12,000,000	12,000,000	-
			6704	Khoản công tác phí	12,000,000	12,000,000		12,000,000	12,000,000	-
		6750		Chi phí thuê mướn	22,500,000	22,500,000	-	22,500,000	22,500,000	-
			6757	Thuê lao động trong nước	22,500,000	22,500,000		22,500,000	22,500,000	-
		7050		Mua sắm tài sản vô hình	1,320,000	1,320,000	-	1,320,000	1,320,000	-
			7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	1,320,000	1,320,000		1,320,000	1,320,000	-

Biên Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2025

BIÊN BẢN

V/v niêm yết công khai Quyết toán chi Ngân sách năm 2024

Hôm nay, vào lúc 08 giờ ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại Văn phòng thành hội.

Thành phần gồm:

- Bà Phạm Thị Phương Uyên - Chủ tịch - Làm chủ tọa
- Ông Lâm Thái Hưng - Phó chủ tịch
- Ông Phan Văn Hòa, - Kế toán - làm thư ký.

- Tiến hành lập biên bản niêm yết công khai Quyết toán chi Ngân sách năm 2024.

- Địa điểm niêm yết: Văn phòng Hội người mù TP. Biên Hòa

- Thời gian niêm yết: Từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 đến hết ngày 25 tháng 4 năm 2025 (30 ngày liên tục).

- Hồ sơ niêm yết: QĐ số 05/QĐ-HNM ngày 24/3/2025 của BCH Hội người mù TP. Biên Hòa. V/v công bố công khai Quyết toán chi ngân sách năm 2024. (Kèm theo phụ lục công khai).

Đồng chí Chủ tịch chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức, thời gian công khai theo quy định, quy chế và kế hoạch đề ra.

Đồng chí kế toán chịu trách nhiệm công khai và theo dõi, bảo quản hồ sơ niêm yết.

Biên bản họp được thông qua vào lúc 11 giờ cùng ngày, đã đọc lại cho mọi người nghe và thống nhất như trên.

THƯ KÝ

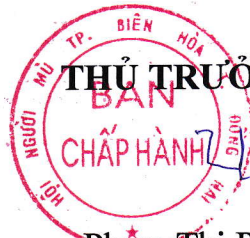


Phan Văn Hòa

KẾ TOÁN



Phan Văn Hòa



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phạm Thị Phương Uyên